BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1228 /QĐ-BTTTT	*Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định phòng thử nghiệm

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BTTTT ngày 13/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chỉ định phòng thử nghiệm phục vụ quản lý chất lượng chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định phòng thử nghiệm:

Phòng đo kiểm RADCOM

Thuộc: Công ty Cổ phần Công nghệ RADCOM Việt Nam

với Phạm vi được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng thử nghiệm được chỉ định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ RADCOM Việt Nam, phòng thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Nguyễn Minh Hồng

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để p/h);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để t/h);
- Lưu: VT, KHCN.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số 1228 /QĐ-BTTTT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thông tin về phòng thử nghiệm:

Tên: Phòng đo kiểm RADCOM, thuộc Công ty Cổ phần Công nghệ RADCOM Việt Nam

Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104784542 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 8/7/2010, sửa đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2011.

Địa chỉ: A23, Lô 10 Khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội.

2. Phạm vi được chỉ định:

TT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật
I	**Dịch vụ viễn thông**	
1	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất	QCVN 35:2011/BTTTT[1]
2	Dịch vụ điện thoại trên mạng di động mặt đất công cộng	QCVN 36:2011/BTTTT[2]
3	Dịch vụ điện thoại VoIP	TCVN 8068:2009[3]
4	Hệ thống báo hiệu số 7	TCVN 8690:2011
5	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định	QCVN 34:2014/BTTTT[4]
6	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động	QCVN 81:2014/BTTTT[5]
7	Dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động	QCVN 82:2014/BTTTT
II	**Công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông**	
8	Trạm truyền dẫn phát sóng vô tuyến điện	QCVN 09:2010/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT
9	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	QCVN 09:2010/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT QCVN 08:2010/BTTTT

Ghi chú:

[1] Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 35:2011/BTTTT;
[2] Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 36:2011/BTTTT;
[3] Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 3.2 của TCVN 8068:2009;
[4] Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 34:2014/BTTTT;
[5] Không áp dụng cho chỉ tiêu tại mục 2.2 của QCVN 81:2014/BTTTT.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn